

VẬN DỤNG KINH NGHIỆM CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI NHÀ NƯỚC VÀO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC Ở NƯỚC TA VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẠI HỌC VĂN LANG

APPLICATION OF NON-STATE ENTERPRISES' EXPERIENCES INTO PRIVATE UNIVERSITIES IN OUR COUNTRY AND DEVELOPMENT ORIENTATION OF VAN LANG UNIVERSITY

NGUYỄN ĐẮC TÂM^(*)

TÓM TẮT: Nghiên cứu kinh nghiệm các doanh nghiệp ngoài Nhà nước để vận dụng vào việc phát triển các trường đại học tư thực ở nước ta là một việc làm cần thiết. Trên cơ sở đó, có định hướng tốt vận dụng vào Đại học Văn Lang.

Từ khóa: doanh nghiệp ngoài Nhà nước, đại học tư thực, Hội đồng quản trị.

ABSTRACT: Studying experience from non-state enterprises to apply in the development of private universities in our country is necessary. Thence, we can establish proper orientation for Van Lang university.

Key words: non-state enterprises, private universities, Management Board.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đại học Văn Lang đã chính thức trở thành đại học tư thực kể từ ngày 14/10/2015 do Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đã ký quyết định số 1755/QĐ/TTg.

Là đại học tư thực trong hệ thống giáo dục quốc dân, nó không được phép hoạt động như một doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Tuy nhiên để tự thân phát triển bền vững trong tương lai, Hội đồng quản trị đã có chủ trương bước đầu vận hành nội bộ Đại học Văn Lang như một doanh nghiệp.

Từ cái nhìn thực tế về những bước đi của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, nghiên cứu vận dụng vào các đại học tư thực trên cơ sở đó định hướng phát triển Đại học Văn Lang. Thực tế cũng cho thấy, mặc dù còn nhiều cản trở, khu vực kinh tế tư nhân vẫn chiếm tỷ trọng 42,3% GDP so

với 39% của khu vực doanh nghiệp quốc doanh.

2. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN

Việt Nam ký Nghị định thư gia nhập WTO vào ngày 07/11/2006, là thành viên thứ 150 của tổ chức này. Gia nhập WTO đồng nghĩa với việc Việt Nam cam kết thực hiện các nghĩa vụ thành viên của mình, không chỉ cam kết về thuế quan, các ràng buộc pháp lý về tự do thương mại và kinh doanh mà còn về những vấn đề mang tính thể chế để thực thi các nghĩa vụ thành viên của tổ chức. Các quy định của WTO sẽ giúp tạo thế cân bằng trong sân chơi cho các doanh nghiệp – Do đó, doanh nghiệp ngoài quốc doanh sẽ có nhiều cơ hội hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Và đại học ngoài công lập cũng được thừa hưởng các lợi thế đó như các doanh

^(*) TS. Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Trường Đại học Văn Lang, Email: nguyendactam@vanlanguni.edu.vn

ngành. Chúng tôi phác họa bức tranh những thách thức và cơ hội.

2.1. Thách thức

Các đại học ngoài công lập cũng chỉ mới xuất hiện trong thời gian gần đây nên quy mô chưa lớn giống như các doanh nghiệp ngoài quốc doanh vừa và nhỏ.

Thường xuyên gặp khó khăn trong phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài quốc doanh, thiếu bình đẳng trong sân chơi và hiếm khi thụ hưởng chính sách ưu đãi của nhà nước. Đại học ngoài công lập cũng gặp khó khăn tương tự. Hành lang pháp lý và môi trường kinh doanh vẫn chưa đáp ứng được xu thế phát triển nhanh và đa dạng của các doanh nghiệp. Tiếp cận nguồn vốn trung và dài hạn là cực kỳ khó khăn; đất đai để doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh hầu như không có gì. Công nghệ và máy móc thiết bị đang sử dụng khá lạc hậu, khó cạnh tranh được trong thời kỳ hội nhập. Lực lượng lao động yếu về chuyên môn, nguồn nhân lực không ổn định. Khả năng tiếp xúc thương mại, tiếp cận thị trường và thông tin trong, ngoài nước của doanh nghiệp còn hạn chế. Mạng lưới sản xuất và phân phối sản phẩm chưa đồng bộ vì doanh nghiệp còn ở quy mô nhỏ, khó cạnh tranh với các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài. Các doanh nghiệp chưa quen, thiếu tự tin và hiểu biết trong xuất nhập khẩu theo tập quán và thông lệ quốc tế.

2.2. Cơ hội

Thời kỳ tiền và hậu WTO là cơ hội tốt đối với giới doanh nghiệp nói chung, đặc biệt là đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các đại học ngoài công lập.

Chúng ta có thể đi qua một số cơ hội chủ yếu sau đây:

Sự hình thành các hiệp hội nghề nghiệp mới đây có thể giúp bảo vệ được nhiều quyền lợi cho các doanh nghiệp (Hiệp hội Dệt May, Hiệp hội Da giày, Hiệp hội Thủy sản, Hiệp hội Du lịch, Hiệp hội các trường đại học và cao đẳng Việt Nam...). Sự bãi bỏ hạn chế kim ngạch xuất nhập khẩu cũng tạo nên sự bình đẳng trong sân chơi giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Điều đó cũng tương ứng với việc Bộ Giáo dục và Đào tạo giao cho các trường đại học tự cân đối chỉ tiêu tuyển sinh, không còn phân bổ chỉ tiêu hàng năm như trước đây. Các doanh nghiệp nhà nước và các đại học dân lập đã và đang đẩy nhanh thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi thành đại học tư thục, gián tiếp tạo điều kiện về thời gian cho các tổ chức này tăng tốc. Nhà nước đang khẩn trương xây dựng hệ thống pháp luật tương thích với “luật chơi” của thế giới. mở rộng các lĩnh vực kinh tế dịch vụ để thu hút đầu tư, nâng cao xuất khẩu. Mặt khác, nhà nước cũng đang kiện toàn hành lang pháp lý. Doanh nghiệp ngoài quốc doanh sở hữu thị trường hẹp nên dễ tận dụng cơ hội một cách linh hoạt để ổn định và phát triển hơn. Đại đa số doanh nghiệp ngoài quốc doanh của ta là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nhật Bản đã thành công trong khai thác loại doanh nghiệp này và họ đã khuyến khích ta phát triển nó, chuyển giao công nghệ quản lý chất lượng loại hình doanh nghiệp này cho chúng ta. Nhà nước cũng đã xác định tầm quan trọng của loại doanh nghiệp vừa và nhỏ này; đồng thời đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích để phát huy cao

nhất hiệu quả của nó trong khai thác cơ hội của hội nhập quốc tế.

2.3. Giải pháp

Chúng ta đang ở vào thời đại kinh tế tri thức với công nghệ thông tin tiến nhanh như vũ bão. Ai nắm được nhiều thông tin chính xác và sớm, người đó sẽ chiếm ưu thế. Nói như vậy để thấy rằng thế giới ngày nay là “thế giới phẳng”, hoặc nói một cách khác “loài người đang cùng nhau chung sống dưới mái nhà vũ trụ”. Thật vậy, ngày nay hàng tỷ người trên tinh cầu đang xích lại gần nhau để làm ăn và cùng chia sẻ những lợi ích trong hội nhập. Do đó, bất cứ giải pháp nào tập trung cụ thể vào chiến thuật, thiếu tính chiến lược sẽ trở nên khó khả thi. Sau đây, xin nêu một số giải pháp cơ bản căn cứ trên nền tảng vĩ mô và vi mô của nền kinh tế nước ta như sau:

2.3.1. Ở tầm vĩ mô (*Macro Economics*)

Đòi hỏi nhà nước phải có chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu xã hội trong giai đoạn hội nhập và phát triển. Tránh tình trạng nguồn nhân lực như hiện nay (thừa vẫn thừa, thiếu vẫn thiếu ở hầu hết mọi cơ quan, doanh nghiệp trong nước). Cần có giải pháp rất ráo để đầu tư thích đáng và lâu dài của các ngành, các cấp, các trường, các doanh nghiệp... Vấn đề đào tạo là trách nhiệm của giáo dục mà trong đó đại học phải chịu trách nhiệm chính. Nỗ lực tiếp thị và quảng bá cho đất nước để sản phẩm của Việt Nam có mặt trên thị trường thế giới như Trung Quốc và Thái Lan... Mặt khác, ta sẽ thu hút dòng chảy FDI vào Việt Nam nhiều hơn. Xây dựng hệ thống pháp luật và chế độ công vụ hoàn thiện để chấm dứt tình trạng cán bộ, công chức “hành” dân,

“hành” doanh nghiệp, “hành” các cơ sở đại học. Triệt để cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước để đạt mục tiêu cuối cùng là nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh trong hội nhập quốc tế để thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân cùng tham gia cạnh tranh lành mạnh. Cần có một luật sửa đổi, khắc phục được những mặt còn hạn chế. Mặc dù luật này đã góp phần xóa bỏ sự phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, song vẫn còn một số khiếm khuyết cần sửa đổi như: một số quyền và nghĩa vụ của từng loại hình doanh nghiệp lại được điều chỉnh bởi các luật chuyên ngành (luật đầu tư, luật thuế, luật đất đai, luật lao động...) cho nên dù có luật doanh nghiệp thống nhất, nhưng nếu trong các luật chuyên ngành vẫn còn những qui định khác nhau đối với từng thành phần kinh tế thì vẫn chưa thể tạo được môi trường pháp lý bình đẳng giữa công và tư. Tương tự như vậy, về vấn đề chủ sở hữu doanh nghiệp nhà nước, tuy đã có luật doanh nghiệp thống nhất vẫn cần có luật doanh nghiệp nhà nước để xác định thêm vai trò chủ sở hữu. Cần nghiên cứu các giải pháp đi tắt đón đầu và có những chính sách đãi ngộ thích đáng mời gọi chất xám từ trong và ngoài nước cùng góp tay xây dựng và phát triển đất nước. Tiếp tục cho phép phát hành trái phiếu quốc tế hoặc bảo lãnh phát hành vay nợ một cách bình đẳng theo nguyên tắc tự vay, tự trả và tự chịu trách nhiệm. Tiếp tục phát huy tư duy kiểm soát vốn. Nghĩa là tự do hóa vốn có kiểm soát (Controlled Capital Liberalization) chứ không kiểm soát vốn thuần túy (Capital Control) như trước đây. Tiếp tục cho phép các doanh nghiệp thuộc bất kỳ thành phần kinh tế nào cũng được

tiếp cận với thị trường vốn quốc tế trên cơ sở tiên quyết là có đề án khả thi. Đổi mới lập pháp để hội nhập bằng cách xây dựng pháp luật trong nước sao cho có thể nối kết được với bên ngoài, tránh phần thua thiệt cho doanh nghiệp trong nước. Đồng thời xây dựng pháp luật có tính nhất quán và ổn định của pháp luật Việt Nam để giới đầu tư nước ngoài không còn e ngại như hiện nay. Phát huy và bắt buộc kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp, trong các cơ sở đại học để phục vụ cho công tác quản lý tốt hơn.

2.3.2. Ở tâm vi mô (*Micro Economics*)

Đối với doanh nhân và Hội đồng quản trị là chủ sở hữu của đại học ngoài công lập: phải xác định được tính tự chủ và tự thân vận động, xác định sứ mệnh (Mission) và tầm nhìn (Vision) của mình trong từng giai đoạn. Ở đại học ngoài công lập, Hội đồng quản trị cũng phải có chủ trương nhạy bén như doanh nghiệp.

Tiến hành các phương châm hành động như:

- “Ba phải” của Dale Carnegie: “phải bước, phải dám, phải khác biệt” (Must be first, Must be Daring, Must be Different).

- “Suy nghĩ toàn cầu nhưng thực hiện địa phương”, “Think Globally, act Locally” (John Lenon).

- “Hãy làm mọi thứ thật tốt hơn trong ngày làm việc hôm nay” Michael S.Dell (Giám đốc Công ty Dell Computer Corporation).

- “Pour your heart” Howard Schulz (Starbucks Coffee).

- “Chất lượng hay là chết”.

Xây dựng văn hóa công ty hay triết lý kinh doanh cho doanh nghiệp (chữ tín, đạo

đức, minh bạch, trung thực, hữu lợi, sáng tạo...). Dám chấp nhận cải cách để phát triển dù có mất mát (Học kinh nghiệm của các đại công ty Hàn Quốc sau khi sụp đổ hệ thống CHAEBOL: Hyundai Motor, Samsung Electronics, LG Electronics). Nhà quản lý phải biết sống chung với áp lực (Stress): Biết chia công việc ra nhiều công đoạn để thư giãn, làm mới... Nghiên cứu tìm các giải pháp quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh (Quản lý rủi ro về pháp luật, về đối tác kinh doanh, về thị trường, về các hoạt động sản xuất kinh doanh...) và trong hoạt động đào tạo. Trong quản lý, thực hiện nghệ thuật dùng người: không nhìn vào sở đoản của người để chê mà tìm sở trường của người để dùng, tìm cơ hội phát huy tác dụng của họ. Cần tham khảo câu nói: “Dụng nhân như dụng mộc” của ông cha ta mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhắc lại. Làm công tác nhân sự công khai, công bằng để giữ đoàn kết và ổn định trong tổ chức.

Đối với doanh nghiệp và cơ sở giáo dục đại học: tăng cường đào tạo nguồn nhân lực tinh thông về kỹ năng và nghiệp vụ, đạt hiệu quả trong thực hiện. Đa dạng hóa sản phẩm và chương trình đào tạo. Đầu tư công nghệ mới phù hợp để tăng khả năng cạnh tranh. Tranh thủ các hiệp hội nghề nghiệp để được bảo vệ quyền lợi và phát huy lợi thế cạnh tranh trong hội nhập quốc tế hiện nay. Nên xây dựng kế hoạch chiến lược trung và ngắn hạn. Kế hoạch hành động phải đồng bộ với kế hoạch chiến lược từng thời kỳ. Ứng dụng các tiêu chuẩn chất lượng ISO và của Nhật Bản trong quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ (Kaizen, 5S...) và thực hiện kiểm định chất lượng cả trong

cơ sở đại học. Tái cấu trúc doanh nghiệp và đại học khi cần thiết để phát triển. Chú ý đặc biệt đến nguồn nhân lực và đầu ra của sản phẩm, vì nguồn lực con người là yếu tố quyết định. Triệt để khai thác các chính sách và cơ chế của nhà nước như: Tiếp cận với nguồn vốn, đất đai, lao động, công nghệ mới, thông tin, thị trường tài chính, thị trường xuất nhập khẩu, bảo hiểm xuất khẩu... Tìm hiểu thị trường phù hợp với khả năng và quy mô của mình. Chú ý khai thác các mặt dịch vụ để tích cực phục vụ cộng đồng qua các hình thức từ thiện, từng bước xây dựng thương hiệu.

3. KẾT LUẬN

Trong mối tương quan về các hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý giáo dục giữa các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các đại học tư thục trong thời kỳ

hội nhập ngày nay, chúng ta thấy có sự kế thừa rất rõ giữa các tổ chức này. Lợi thế của doanh nghiệp về luật kinh doanh thì cơ sở đào tạo đại học cũng đã có luật giáo dục. Các khó khăn trong phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân cũng không khác gì giữa đại học công lập và đại học tư thục; việc tiếp cận của các tổ chức tài chính về nguồn vốn vay trung và dài hạn cũng vô cùng khó khăn. Tuy nhiên cả hai mô hình tổ chức này đều có nhiều cơ hội và thách thức tương tự cả ở vĩ mô và vi mô nên chủ trương của Hội đồng quản trị bước đầu vận hành nội bộ Đại học Văn Lang như một doanh nghiệp là hợp lý và dễ đi đến phát triển nhờ những kế thừa từ doanh nghiệp, để chúng ta có được những bài học sống động và hiệu quả trong quản lý giáo dục đại học.

Ngày nhận bài: 05-11-2016. Ngày biên tập xong: 21-11-2016. Duyệt đăng: 15/12/2016